TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 398/2020/HS-PT
Ngày: 13/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn
Các Thẩm phán: 1/ Ông Phạm Hồng Phong
2/ Ông Nguyễn Hữu Ba

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Bùi Minh Nghĩa, Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 445/2029/TLPT-HS ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 236/2020/HS-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo kháng cáo:

1/ Vũ Hồng S; sinh năm: 1977, tại: Nam Định; giới tính: Nam; trú tại: 18/43 Cù Chính L, phường M, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: không; con ông Vũ Bá L và bà Tạ Thị C; có vợ và 01 con sinh năm 2007; tiền sự: không;

Tiền án:

Ngày 13/01/1994, bị Tòa án nhân dân thị xã Ninh Bình xử phạt 04 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân". (Bản án số: 02/HSST ngày 13/01/1994).

Ngày 16/11/1994, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân". (Bản án số: 106/HSST ngày 16/11/1994).

Ngày 22/8/1996, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Hà xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân". (Bản án số: 136/HSPT ngày 22/8/1996).

Ngày 07/5/1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân". (Bản án số: 87/HSST ngày 07/5/1999).

Ngày 27/8/2003, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". (Bản án số: 349/HSST ngày 27.8.2003).

Ngày 21/7/2008, bị Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" và 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm tù. (Bản án số: 272/2008/HSST ngày 11/4/2008 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án số: 777/2008/HSPT ngày 21/7/2008 của Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị bắt tạm giữ ngày: 29/6/2014 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ Đỗ Duy K; sinh năm: 1976, tại: Đồng Nai; giới tính: nam; trú tại: 27 Đống Đa, Phường M, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 105 Chung cư 4S, phường M, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: không; con ông Vũ Đăng K1và bà Đỗ Thị N; có vợ và 01 con sinh năm 2013; tiền sự: không.

Tiền án: Ngày 18/9/2007 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". (Bản án số: 889/2007/HSST ngày 18/9/2007 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị bắt tạm giữ ngày: 29/6/2014 (Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/11/2019 bị cáo Đỗ Duy Khanh xin rút kháng cáo tại phiên tòa).

3/ Trần Thị L (tên gọi khác: Trần Thị Lương Y); sinh năm: 1970, tại: Nam Định; giới tính: nữ; trú tại: 192 Hàng Tiện, phường M, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; tạm trú: 1358/40/45 đường Quang Trung, Phường M, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: không; con ông Trần Văn B (chết) và bà Trần Thị M; có chồng (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 1997; tiền sự: không.

Tiền án: Ngày 09/9/2004, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". (Bản án số: 1570/HSST ngày 09/9/2004 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Bị bắt tạm giữ ngày: 29/6/2014 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4/ Lê Thị Kim Á sinh năm: 1982, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nữ; trú tại: 313 Bến Vân Đồn, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 76/41 tổ 14 Dương Cát Lợi, khu phố M, thị trấn N, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 3/12; nghề nghiệp: không; con ông Hồ Văn R (chết) và bà Lê Thị T; có chồng và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ ngày: 29/6/2014 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5/ Nguyễn Huỳnh Minh C; sinh năm: 1979, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; trú tại: 120A Hàm Tử, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: nhà số 45 lầu 3 Chung cư Bạch Vân, đường Bạch Vân, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; dân tộc: kinh; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Minh P (chết) và bà Huỳnh Tú U (chết); chưa có vợ con; tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 20/9/1997 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân". (Bản án số: 1738/HSST ngày 20/9/1997 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Tiền án:

Ngày 24/9/2004 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Đánh bạc" (Bản án số: 1723/HSST ngày 24/9/2004 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh). Bị cáo kháng cáo và ngày 30/12/2004 bị Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm. (Bản án số: 3012/HSPT ngày 30/12/2004 của Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 15/7/2010, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản". (Bản án số: 211/2010/HSST ngày 15/7/2010 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bị bắt tạm giữ ngày: 01/7/2014

(Bị cáo làm đơn rút kháng cáo vào ngày 29/7/2019).

6/ Nguyễn Thụy Bích T; sinh năm: 1985, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nữ; trú tại: 797/1/5 Hưng Phú, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: số 22 đường số 4 khu dân cư Bình Hưng, xã M, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Tuyết N; có chồng và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ ngày: 30/6/2014.

(Bị cáo làm đơn rút kháng cáo vào ngày 24/7/2019).

Người bào chữa cho các bị cáo:

Luật sư Hà Ngọc Tuyên, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho các bị cáo Vũ Hồng S, Trần Thị L, Lê Thị Kim Á (Luật sư có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì vụ án có nội dung như sau:

Vào lúc 11giờ 30’ ngày 29/6/2014, tại ngã ba Nguyên Hồng - Phan Văn Trị phường 11, quận Bình Thạnh Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy, Công an quận Bình Thạnh bắt quả tang Đỗ Duy K có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy; thu giữ của K 03 (ba) bánh chất bột màu trắng hình khối chữ nhật có kích thước 15x10x02cm, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1036,03 gam, loại Heroine.

Vào lúc 13giờ 30’ ngày 29/6/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Bình Thạnh bắt khẩn cấp Trần Thị L về hành vi “Mua bán trái phép chất ma tuý”. Khám xét khẩn cấp nơi ở của L tại nhà số 1358/30/45 đường M, phường N, quận GV, thu giữ 01 (một) hộp tiếp đạn ký hiệu WALTHER Cal 380 ACP có 06 viên đạn (loại đạn dùng cho súng quân dụng). Khám xét nơi thuê ở của Trần Minh H (là anh ruột của L) tại phòng số 01 nhà số 776/6 đường M, phường N, quận GV, thu giữ một túi ma túy do L đem đến cất giấu tại đây, kết quả giám định có:

311 viên nén hình tròn màu trắng đục có in hình dấu “+” trong 07 gói nylon, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 86,7091 gam, loại MDMA, Ketamine.

Tinh thể không màu trong 07 gói nylon, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 33,0091 gam, loại Ketamine.

Tinh thể rắn màu trắng và đen trong 05 gói nylon, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 49,5491 gam, loại Ketamine.

820 viên nén tròn màu trắng ngà có in hình “mũi tên” trong 01 gói nilon, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 211,1579 gam, loại MDMA.

150 viên nén hình tròn màu trắng ngà in hình “mũi tên” trong 03 gói nilon, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 39,5669 gam, loại MDMA.

06 viên nén hình tròn màu hồng trong 01 gói nilon bên trong, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,7187 gam, loại MDMA.

Chất bột màu trắng đục trong 01 gói nilon, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3534 gam, loại Ketamine.

604 viên nén tròn màu trắng ngà có in hình “trái táo” trong 06 gói nylon, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 159,2126 gam, loại MDMA.

Tinh thể màu trắng và đen trong 13 gói nylon, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 87,8597 gam, loại Ketamine.

Căn cứ vào lời khai nhận của Đỗ Duy K và Trần Thị L, vào lúc 16 giờ 30’ ngày 29/6/2014 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Bình Thạnh tiến hành bắt khẩn cấp đối với Vũ Hồng S là đối tượng mua bán trái phép chất ma tuý; Khám xét

khẩn cấp nơi ở của S tại phòng 102 khách sạn Thanh B, số 42A M, phường N, quận P thu giữ: 01 khẩu súng ngắn ký hiệu WALTHER Model: PPK/S Cal: 9mm Kurz/380 ACP, 01 hộp tiếp đạn ký hiệu WALTHER Cal 380 ACP có 06 viên đạn chưa sử dụng, kết quả giám định khẩu súng ngắn là vũ khí quân dụng, 06 viên đạn là loại đạn dùng cho vũ khí quân dụng (Bản kết luận giám định số 898/KLGĐ-TT ngày 29 tháng 7 năm 2014 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Tp. Hồ Chí Minh, BL 18) và 01 phiếu gửi xe gắn máy số 0126 của Siêu thị Coop Mart M (tại số 159C M, phường N, quận H). Từ phiếu gửi xe này, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Bình Thạnh thu giữ và tiến hành kiểm tra xe gắn máy biển số 59T1 - 618.72 do S sử dụng, thu giữ trong cốp dưới yên xe 06 (sáu) bánh chất bột màu trắng hình khối chữ nhật có kích thước 15x10x02cm, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2079,29 gam, loại Heroine.

Mở rộng điều tra, vào lúc 20 giờ 00’ ngày 29/6/2014 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Bình Thạnh tiến hành bắt khẩn cấp Lê Thị Kim Á về hành vi “Mua bán trái phép chất ma tuý”; Thu giữ của Á 01 điện thoại di động. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Á tại nhà số 76/41 M, thị trấn N, huyện NB, thu giữ: 16 gói nylon chứa chất bột màu trắng, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 182,4248 gam, loại Heroine và 01 (một) bánh chất bột màu trắng hình khối chữ nhật có kích thước 15x10x02cm, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 353,8100 gam, loại Heroine (tổng cộng 536,2348 gam), 01 gói giấy màu nâu hình chữ nhật (vỏ bánh Heroine), 02 điện thoại di động, 01 cân điện tử, 8.500.000đồng.

Sau đó, vào lúc 18 giờ 00’ ngày 30/6/2014 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Bình Thạnh tiến hành bắt khẩn cấp Nguyễn Thụy Bích T về hành vi “Mua bán trái phép chất ma tuý”; Thu giữ của T 01 điện thoại di động, 01 Chứng minh nhân dân. Khám xét nơi ở của T tại nhà số 22 đường số M, xã N, huyện BC, thu giữ: 01 (một) gói nylon chứa chất bột màu trắng, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 435,15 gam, loại Heroine.

Đến 21 giờ 30’ ngày 01/7/2014 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Bình Thạnh bắt khẩn cấp Nguyễn Huỳnh Minh C về hành vi “Mua bán trái phép chất ma tuý”.

Tất cả số ma túy bị thu giữ trong vụ án đã được giám định, kết quả thể hiện tại Bản kết luận giám định số 1287/KLGĐ-H ngày 15 tháng 8 năm 2014 và Bản kết luận giám định bổ sung số 94/KLGĐBS-H ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - CA Tp. Hồ Chí Minh (BL 15-17, 901-902, 1066-1067).

Sau khi bị bắt, quá trình điều tra các bị can khai nhận:

Vũ Hồng S có 06 tiền án về các tội cướp tài sản, trộm cắp tài sản và tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng. Đầu tháng 6/2014, khi vào vũ trường Gold 2 ở quận 1

chơi thì S quen biết một thanh niên tên T (không rõ lai lịch). Qua tiếp xúc, S biết T có nguồn ma tuý heroin, ma tuý tổng hợp bán số lượng lớn, cùng thời gian này S biết Đỗ Duy K, Lâm Văn P cần mua ma tuý nên S mua ma tuý của T 02 lần để bán cho K, P và nhiều người khác, cụ thể:

Lần thứ nhất:

Ngày 14/6/2014, S đến khu vực ngã tư Bảy Hiền, quận Tân Bình mua của T 10 bánh Heroine giá 190.000.000đ/1bánh rồi mang đến nơi ở của Trần Thị L tại nhà số 1358/30/45 M, phường N, quận GV nhờ L cất giữ, L đồng ý. Đến ngày 15/6/2014, S thoả thuận bán cho P 10 bánh Heroine giá 200.000.000đ/1 bánh nhưng P không trực tiếp nhận ma tuý mà P nhờ Nguyễn Huỳnh Minh C đi nhận. Thoả thuận xong, S điện thoại bảo Trần Thị L lấy túi nylon bên trong có 10 bánh Heroine của S mang đến khu vực cổng sân vận động Phú Thọ đường Lý Thường Kiệt, quận 11 giao cho C; Giao ma túy xong, S cho L 10.000.000đ. Sau khi nhận ma túy, Nguyễn Huỳnh Minh C mang ma túy về giao cho P, do ma túy kém chất lượng nên ngày 20/6/2014, P nhờ Nguyễn Thuỵ Bích T điện thoại cho P nói trả lại Heroine mua ngày 15/6/2014, S đồng ý.

Ngày 26/6/2014, sau khi thỏa thuận nhận lại Heroine đã bán cho P, S đi đến đường Nguyễn An Ninh, quận 1 gặp Nguyễn Huỳnh Minh C nhận lại 09 bánh Heroine, S lấy 04 bánh Heroine đến khu vực đường Nguyễn Thái Sơn, quận Gò Vấp bán cho Đỗ Duy K giá 200.000.000đ/bánh, bán cho một phụ nữ tên gọi "Má B" 03 bánh, bán cho T (không rõ lai lịch) 02 bánh còn lại cùng với giá 200.000.000đ/bánh.

Lần thứ hai:

Ngày 28/6/2014, S mua của T 08 bánh Heroine giá 200.000.000đ/bánh, 1891 viên ma tuý thuốc lắc giá 110.000đ/viên và gần 200g ma tuý Khe (ketamine) giá 21.000.000đ/100g. S mang ma tuý đến phòng thuê khách sạn tự phân lẻ thành 18 gói nylon chứa 1891 viên ma tuý có khối lượng 498,358 gam MDMA, 26 gói nylon ma tuý Ketamine có khối lượng 70,7713 gram, sau đó S bán cho Lâm Văn P 08 bánh Heroine giá 200.000.000đ/bánh, nhưng Phong không đi nhận mà nhờ Nguyễn Thị Bích T đi đến khu vực cổng bến xe quận 8, đường Tạ Quang Bửu gặp S nhận ma tuý mang về và mang 1.600.000.000đ đến gần Siêu thị ở đường Nguyễn Trãi, quận 1 trả cho S. S mang số ma tuý tổng hợp đã phân lẻ đến nơi ở của Trần Thị L nhờ L cất giữ để tìm mối tiêu thụ; Sau đó L mang số ma tuý trên đến nơi ở của vợ chồng Trần Minh H và Nguyễn Thị Diễm P tại phòng số 01, nhà số 776/6 M, phường N, quận GV cất giấu trên gác nhưng L không cho H, Diễm P biết nên không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Minh H và Nguyễn Thị Diễm P.

Buổi tối cùng ngày, S tiếp tục đi đến khu vực ngã tư Bảy Hiền, quận Tân Bình mua của T 10 bánh Heroine, S bán cho Đỗ Duy K 04 bánh (trong đó ngày 28/6/2014 S bán cho K 01 bánh tại khu vực chợ Hoàng Hoa Thám, quận Tân Bình, ngày 29/6/2014 S bán cho K 03 bánh tại khu vực chợ Hạnh Thông Tây, quận Gò Vấp), với giá 200.000.000đ/bánh, S cất giấu 06 bánh Heroine còn lại trong cốp xe gắn máy biển số 59T1 -618.72 tại bãi giữ xe Co.op Mart Cống Quỳnh, quận 1, chưa kịp bán số ma tuý trên thì bị bắt giữ cùng vật chứng là 2079,29 gam Heroine. Ngoài ra, trước lúc bị bắt khoảng 03 tháng, S sang Campuchia mua 01 khẩu súng ngắn, 02 hộp tiếp đạn mỗi hộp có 06 viên đạn giá 1000 Đô la Mỹ. S cất giữ trong người khẩu súng và 01 hộp tiếp đạn có 06 viên đạn để phòng thân; vào sáng ngày 29/6/2014, khi S đến nơi ở của Trần Thị L, S gửi 01 hộp tiếp đạn có 06 viên chưa sử dụng cất trong hộc tủ trang điểm của L sau đó thì bị phát hiện bị thu giữ.

Đối với Đỗ Duy K là đối tượng quen biết với Vũ Hồng S trong thời gian cả hai cùng chấp hành án phạt tù ở trại Hàm Tân. Sau khi gặp lại nhau biết S có bán ma túy, K đã 03 lần mua của S tổng cộng 08 bánh Heroine giá 200.000.000đ/bánh. Cụ thể, ngày 26/6/2014, sau khi mua của S 04 bánh Heroine, K mang đến quán cà phê Tuyết My, đường Hà Huy Giáp, quận 12 bán cho Lê Thị Kim Á 04 bánh giá 205.000.000đ/bánh, thu lời 20.000.000đ.

Ngày 28/6/2014, sau khi mua của S 01 bánh Heroine, K mang đến khu vực đường Thăng Long - Cộng Hoà, quận Tân Bình bán cho Trần Tấn T (sinh năm 1973, HKTT tại số 383/34 M, phường N, quận BT) với giá 205.000.000đ/bánh; Ngày 29/6/2014, K mua tiếp của S 03 bánh Heroine, trên đường đi về thì bị bắt quả tang cùng vật chứng là 1036,03 gam Heroine. Mặc dù Đỗ Duy K khai vào ngày 28/6/2014, K bán cho Trần Tấn T 01 bánh với giá 205.000.000đ nhưng Trần Tấn T không thừa nhận, do chỉ có lời khai của K không còn tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh nên chưa đủ cơ sở để xử lý hình sự đối với Trần Tấn T trong vụ án này. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Tp. Hồ Chí Minh đã thông báo cho các đơn vị nghiệp vụ tiếp tục điều tra xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với Lê Thị Kim Á, thông qua một đối tượng tên "C" không rõ nhân thân, lai lịch ở quận 4 giới thiệu cho Á mua Heroin của Đỗ Duy K để bán cho một đối tượng tên "B". Vào ngày 26/6/2014, Á mua của K 04 bánh Heroine, với giá 205.000.000đ/bánh tại quán cà phê Tuyết M, đường Hà Huy Giáp, quận 12; Khi gặp nhau do không đủ tiền Á mua trước của K 2 bánh và ngay sau đó bán lại cho "B" tại một con hẻm gần quán cà phê, với giá 215.000.000đ/bánh, thu lợi 10.000.000đ/bánh rồi quay lại quán cà phê trả tiền, mua tiếp của K 02 bánh sau đó đem bán cho một phụ nữ (không rõ lai lịch) tại Bến xe Miền Đông, nửa bánh với giá 117.000.000đ/bánh; Còn nửa bánh Á phân ra thành 16 gói nhỏ cất chung với

một bánh nguyên trong tủ quần áo chưa kịp bán thì bị phát hiện thu giữ đối với số Heroine có tổng khối lượng là 536,2348gam.

Đối với Nguyễn Huỳnh Minh C và Nguyễn Thụy Bích T quen biết nhau từ năm 2009. Đầu năm 2014, qua sự giới thiệu của C nên T quen biết và chung sống như vợ chồng với Lâm Văn P tại nhà số 22 đường số M, khu dân cư N, xã p, huyện BC. Thời gian này, C và T phụ giúp Lâm Văn P mua bán Heroine với Vũ Hồng S, trong đó Nguyễn Huỳnh Minh C đã phụ giúp P giao nhận 10 bánh Heroine, sau đó đem trả lại 9 bánh; Nguyễn Thụy Bích T 01 lần nhận của S 08 bánh Heroine mang về giao cho P đem bán, số Heroine còn lại (435,15 gam) P mang về cất tại nơi ở, đến ngày 30/6/2014 thì bị Cơ quan điều tra thu giữ. Lời khai của Vũ Hồng S và Nguyễn Huỳnh Minh C, Nguyễn Thụy Bích T là phù hợp với nhau về số lần, số lượng đã mua bán.

Trần Thị L quen biết Vũ Hồng S khi ở Nam Định. Đầu năm 2014, L gặp lại S và phụ giúp S giao nhận 10 bánh Heroine vào ngày 15/6/2014 và cất giữ số ma tuý tổng hợp vào ngày 28/6/2014 sau đó đã bị thu giữ như trên. Lời khai của L và S là phù hợp với nhau và phù hợp với vật chứng bị thu giữ. Riêng đối với 01 hộp tiếp đạn có 06 viên đạn là loại đạn dùng cho vũ khí quân dụng do S gửi L cất giữ do không đủ số lượng nên không đủ cơ sở để xử lý hình sự đối với L về hành vi "*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*".

Đối với Lâm Văn P (Sinh ngày 04/01/1969, HKTT tại số 697A M, phường N, quận P, Tp. Hồ Chí Minh), căn cứ vào lời khai nhận của các bị can trong vụ án và tài liệu chứng cứ đã thu thập được có đủ căn cứ xác định P đã cùng S, C, T thực hiện hành vi mua bán ma túy như đã nêu trên. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội P đã bỏ trốn khỏi địa phương; do đó Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã số 673-60 ngày 28/7/2014 và ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 673-61 ngày 13/02/2015 đối với P về hành vi "*Mua bán trái phép chất ma tuý*", khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với việc các bị can Vũ Hồng S, Đỗ Duy K, Trần Thị L, Nguyễn Huỳnh Minh C và Nguyễn Thị Bích T khai sau khi vụ án đã có kết luận điều tra, cho rằng trong quá trình bị bắt và lấy lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Bình Thạnh bị đánh đập, dùng nhục hình buộc các bị can phải khai nhận tội. Kết quả điều tra nhận thấy lời khai của các bị can là không có căn cứ, đã được Công an quận Bình Thạnh giải trình tại Công văn giải trình về việc bắt, lấy lời khai của các đối tượng số 1065/CSĐT-MT ngày 09/11/2016 (Bl 884); Phiếu khám sức khỏe trước khi nhập trại của Bệnh viện Chí Hòa, thể hiện không có dấu vết của sự đánh đập, đủ sức khỏe nhập trại (BL 887-890).

Đồng thời sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Tp. Hồ Chí Minh thụ lý đối với vụ án, các bị can đều đã tự nguyện khai báo, có sự chứng kiến của các Luật sư bảo vệ quyền lợi cho các bị can theo đúng qui định; do đó lời khai lại của các bị can S, K, L, C và T chỉ nhằm mục đích chạy tội, né tránh trách nhiệm hình sự mà các bị can phải chịu.

Vật chứng vụ án: (đã được liệt kê tại các Phiếu nhập kho vật chứng số 295/PNK/2014 ngày 08/9/2014, 21/PNK/2015 ngày 23/01/2015 và 27/PNK/2015 ngày 28/01/2015 của Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC47) và Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp (PC81) - Công an Tp. Hồ Chí Minh), gồm có:

Thu của Vũ Hồng S:

01 (một) gói niêm phong số 1287 (1), bên ngoài có chữ ký của Phạm Văn Trọng - Giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Tp. Hồ Chí Minh, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

01 (một) khẩu súng ngắn hiệu WALTHER PPK/S, số 5657BAH-PPK/S-1, 02 (hai) hộp tiếp đạn hiệu WALTHER, 07 viên đạn (01 viên đạn có dấu vết kim hoả), 02 đầu đạn và 05 vỏ đạn sau giám định.

01 (một) điện thoại di động (ĐTDĐ) hiệu VeGa màu trắng, số Imel: 358607050542604.

01 (một) ĐTDĐ hiệu Nokia, số Imel: 359989/05/947182/2.

01 (một) ĐTDĐ hiệu Nokia, số Imel: 353060/06/922773/1.

01 (một) ĐTDĐ hiệu Nokia, số Imel: 358146/05/604516/3.

01 (một) ĐTDĐ hiệu Iphone, số Imel: 358030051659154.

01 (một) xe gắn máy biển số 59T1-618.72, số khung: RLHJF4619EY 335938, số máy: JF46E 5035950 do bà Trần Thị Thu H (sinh năm 1954, HKTT tại số 97 M, phường N, quận P, Tp. Hồ Chí Minh) đứng tên giấy chủ quyền xe. Vào ngày 29/6/2014, S đến nơi ở của Nguyễn Thị Phương T (là con của bà H) là người chung sống như vợ chồng với S để thăm con và có mượn của bà Trần Thị Thu H chiếc xe trên để đi và sử dụng đi mua bán ma tuý, bà H và T không biết gì về việc S mua bán ma tuý. Hiện Cơ quan điều tra đã lập biên bản tạm giữ chờ xử lý theo qui định.

Bản sao Hộ chiếu số B8175681, Chứng minh nhân dân mang tên Vũ Hồng S, thẻ giữ xe số 0126 của Siêu Thị Co.op Mart Cống Quỳnh.

Thu của Đỗ Duy K:

01 (một) gói niêm phong số 1287 (2), bên ngoài có chữ ký của Phạm Văn Trọng - Giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Tp. Hồ Chí Minh, bên trong là chất ma tuý còn lại sau giám định.

01 (một) ĐTDĐ hiệu Iphone, số Imel: 358030059220850.

01 (một) ĐTDĐ hiệu Nokia, số Imel: 357256/05/962203/2.

02 (hai) cân điện tử màu đen và bộ sử dụng ma tuý. 21.000.000đồng (đã gửi kho bạc Nhà nước Quận 10).

01 xe gắn máy hiệu Honda SH biển số 59K1-373.69, số khung: ZDCKF10BOCF 150460, số máy: KF08E 1107136 KTGE1. Xe gắn máy này do Lê Thị Ú (sinh năm 1988, HKTT tại 28/5, Tổ 1, KP7, đường số M, phường N, quận TĐ, Tp. Hồ Chí Minh là vợ của Đỗ Duy K) đứng tên giấy chủ quyền xe. Ngày 29/6/2014, Út đưa xe gắn máy trên cho K sử dụng nhưng Ú không biết gì về việc K mua bán ma tuý. Hiện Cơ quan điều tra đã lập biên bản tạm giữ chờ xử lý theo qui định.

Riêng 01 dây chuyền và 02 nhẫn bằng kim loại màu vàng (01 nhẫn có hột màu trắng, 01 nhẫn có hột màu xanh), Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng, trả cho bị can Đỗ Duy K và gửi lưu ký tại trại Chí Hòa. Vì đây là tài sản hợp pháp của Đỗ Duy K mua vào giữa năm 2013.

Thu của Trần Thị L:

08 (tám) gói niêm phong số 1287(3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), bên ngoài có chữ ký của Phạm Văn Trọng - Giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Tp. Hồ Chí Minh, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

01 (một) ĐTDĐ hiệu Nokia 1280, số Imel: 355522/05/343162/7.

01 (một) ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen, số Imel: 355521/05/915048/8.

01 (một) ĐTDĐ hiệu SamSung, số Imel: 359090/04/129813/2.

01 (một) cân điện tử màu đen, 50 gói nylon chưa sử dụng.

01 (một) bản sao y giấy đăng ký xe máy biển số 55Y1-5271.

01 (một) bản sao y hộ chiếu số B6526960 mang tên Trần Thị Lương.

01 xe gắn máy biển số: 55Y1-5271, số khung: 090106675LC, số máy: F4D2-106675 do Trần Thị L mượn của em ruột tên Trần Thị N (ngụ tại Gò Vấp, nhưng không rõ địa chỉ). Kết quả xác minh xe gắn máy 55Y1-5271 do ông Bùi Văn T (HKTT tại 171C, KP1, phường M, quận N, Tp. Hồ Chí Minh) đứng tên chủ quyền nhưng ông T đã chuyển khẩu đi nơi khác (không rõ địa chỉ). Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay không có người đến liên hệ để giải quyết do đó đã lập biên bản tạm giữ chờ xử lý theo qui định.

Thu của Lê Thị Kim Á:

01 (một) gói niêm phong số 1287 (11), bên ngoài có chữ ký của Phạm Văn Trọng - Giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Tp. Hồ Chí Minh, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

01 (một) ĐTDĐ hiệu HTC, số Imel: 355302046430550.

01 (một) ĐTDĐ hiệu Mastel, số Imel: 358877050050144.

01 (một) cân điện tử.

01 (một) gói niêm phong bên ngoài có chữ ký của Lê Thị Kim Ánh và hình dấu Cơ quan Cơ quan điều tra Công an quận Bình Thạnh, bên trong chứa vỏ giấy dùng để gói ma tuý.

8.500.000đồng (đã nộp Kho bạc nhà nước quận 10).

Thu của Nguyễn Thụy Bích T:

01 (một) gói niêm phong số 1287 (12), bên ngoài có chữ ký của Phạm Văn Trọng, Giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Tp. Hồ Chí Minh, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

01 (một) ĐTDĐ hiệu Nokia, số Imel: 356324/05/619334/9.

01 máy xay sinh tố, 01 cọ quét, 01 muỗng bằng kim loại, 02 dao lam, 02 bịch nylon không chứa gì.

170.000.000đồng (đã nộp kho bạc Nhà nước quận 10).

01 (một) bản sao chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Bích T.

Thu của Nguyễn Huỳnh Minh C:

01 (một) máy tính sách tay hiệu Dell, model: KJ179A03.

01 (một) xe gắn máy hiệu Yamaha - Luvias biển số 59L1-843.51, số khung: RLCL1SK10EY011385, số máy: 1SK1011400. Nguyễn Huỳnh Minh C khai mua xe vào tháng 03/2014 nhưng nhờ Tăng Ngọc C (sinh năm 1987, HKTT tại số 1678/33 M, phường N, quận P. Tp. Hồ Chí Minh) đứng tên giấy chủ quyền xe. Kết quả xác minh hiện nay C không có cư ngụ tại địa chỉ trên, không rõ ở đâu nên Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay không có ai liên hệ đề nghị giải quyết do đó đã lập biên bản tạm giữ chờ xử lý theo qui định

1.300.000đồng (đã nộp Kho bạc nhà nước quận 10).

Riêng 01 dây chuyền và 02 nhẫn bằng kim loại màu vàng, là tài sản hợp pháp của Nguyễn Huỳnh Minh C mua vào giữa năm 2013, không liên quan đến hoạt động mua bán ma tuý nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả cho bị can Châu và gửi lưu ký tại trại Chí Hòa.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 236/2019/HS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2019 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

Áp dụng điểm h khoản 4 khoản 5 Điều 194, khoản 1 Điều 230 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung 2009, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 40, Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Vũ Hồng S: Tử hình về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy"; 2 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng". Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Vũ Hồng S phải chấp hành hình phạt chung là Tử hình. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2014. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Phạt bị cáo S số tiền: 100.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 4 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 40 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Đỗ Duy K: Tử hình về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy". Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2014. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Phạt bị cáo K số tiền 50.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 4 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 40 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim Á: Tử hình về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy". Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2014. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Phạt bị cáo số tiền: 50.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 4 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 40, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Thị L (tên gọi khác: Trần Thị Lương Y): Tử hình về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy". Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2014. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Phạt bị cáo số tiền 50.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 4 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh C: 20 năm tù về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2014. Phạt bị cáo số tiền 20.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 4 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thụy Bích T: 18 năm tù về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2014. Phạt bị cáo số tiền 20.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến tang vật, án phí, trách nhiệm dân sự, quyền kháng cáo và quyền làm đơn xin ân xá án tử hình theo luật định.

Ngày 8, 10, 12 và 15/7/2019 các bị cáo Vũ Hồng S, Đỗ Duy K, Trần Thị L, Lê Thị Kim Á, Nguyễn Huỳnh Minh C, Nguyễn Thụy Bích T đều làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Bản án sơ thẩm quá nặng, bản thân thật thà khai báo, ăn năng hối hận, xin được giảm nhẹ mức án.

Ngày 24/7/2019 và 29/7/2019 các bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh C, Nguyễn Thụy Bích T làm đơn xin rút kháng cáo để chấp hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/11/2019 bị cáo Đỗ Duy K rút kháng cáo tại phiên tòa, không kháng cáo nữa.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Vũ Hồng S, Trần Thị L, Lê Thị Kim Á xin được giảm nhẹ mức án vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, nay các bị cáo đã ăn năn hối hận.

Luật sư Hà Ngọc Tuyên bào chữa cho các bị cáo cho rằng:

Đối với bị cáo S thì bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận, phối hợp tốt với cơ quan điều tra để sớm kết thúc vụ án, xin giảm án cho bị cáo.

Đối với bị cáo Á thì xin HĐXX xem xét lại hàm lượng, trong số 10 bánh heroin thì có 9 bánh heroin kém chất lượng nên bị trả lại, nhưng cấp sơ thẩm không xét, hiện hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, mức án sơ thẩm là quá nặng, đề nghị HĐXX phúc thẩm giảm án cho bị cáo.

Đối với bị cáo L thì theo án sơ thẩm quy kết số lượng ma túy là 1.609gam, theo Nghị quyết 01/2001/HĐTP TANDTC của Hội đồng thẩm thẩm phán TAND tối cao thì số lượng trên chỉ ở mức chung thân, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, mức án sơ thẩm là quá nặng, đề nghị HĐXX phúc thẩm giảm án cho bị cáo.

Đại diện VKS nhân dân cấp cao tại Tp.HCM phát biểu quan điểm về việc kháng cáo của các bị cáo:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ Luật tố tụng Hình sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Các bị cáo Đỗ Duy K, Nguyễn Thị Minh C, Nguyễn Thụy Bích T đã rút đơn kháng cáo, xét việc rút đơn kháng cáo nêu trên của các bị cáo là tự nguyện, nên đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm đới với bị cáo K, bị cáo C và bị cáo T.

Đối với các bị cáo Vũ Hồng S, Trần Thị L, Lê Thị Kim Á thì hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và rất nguy hiểm cho xã hội, phạm tội có tổ chức, số lượng ma túy rất lớn. Bản án sơ thẩm đã có xem xét đến tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét đến hoàn cảnh nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo là có căn cứ hợp pháp, nên không có cơ sở giảm án cho bị cáo. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, nghe bị cáo, đương sự trình bày, nghe vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, nghe Luật sư bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Hồng S, Đỗ Duy K, Trần Thị L, Lê Thị Kim Á, Nguyễn Huỳnh Minh C, Nguyễn Thụy Bích T đều làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

Đối với các bị cáo Đỗ Duy K Nguyễn Huỳnh Minh C, Nguyễn Thụy Bích T đã rút lại kháng cáo, xét việc rút đơn kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện, nên HĐXX cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với cáo bị cáo, Bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Đỗ Duy K, Nguyễn Huỳnh Minh C, Nguyễn Thụy Bích T có hiệu lực pháp luật thi hành.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Vũ Hồng S, Trần Thị L, Lê Thị Kim Á:

[2.1] Căn cứ vào khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo vệ tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là có căn cứ đúng pháp luật.

[2.2] Theo theo khoản 4 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", như sau:

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng từ năm kilôgam trở lên.

b) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ một trăm gam trở lên.

c) Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có trọng lượng từ bảy mươi lăm kilôgam trở lên.

d) Quả thuốc phiện khô có trọng lượng từ sáu trăm kilôgam trở lên.

đ) Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng từ một trăm năm mươi kilôgam trở lên.

e) Các chất ma tuý khác ở thể rắn có trọng lượng từ ba trăm gam trở lên.

g) Các chất ma tuý khác ở thể lỏng từ bảy trăm năm mươi mililít trở lên.

h) Có từ hai chất ma tuý trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma tuý quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 4 Điều này.

5/ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Theo khoản 3 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao quy định hướng dẫn áp dụng khoản 4 Điều 194 như sau:

Khi áp dụng khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma tuý cần chú ý:

Trong trường hợp không có tình tiết tăng nặng và không có tình tiết giảm nhẹ hoặc vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ, nhưng đánh giá tính chất tăng nặng và tính chất giảm nhẹ tương đương nhau, thì xử phạt người phạm tội mức án tương ứng với trọng lượng chất ma tuý như sau:

Xử phạt tử hình nếu:

Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng từ hai mươi kilôgam trở lên.

Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ sáu trăm gam trở lên.

Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có trọng lượng từ sáu trăm kilôgam trở lên.

Quả thuốc phiện khô có trọng lượng từ bốn nghìn năm trăm kilôgam trở lên.

Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng từ một nghìn hai trăm kilôgam trở lên.

Các chất ma tuý khác ở thể rắn có trọng lượng từ hai nghìn năm trăm gam trở lên.

Các chất ma tuý khác ở thể lỏng từ năm nghìn mililít trở lên.

Có từ hai chất ma tuý trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng của một trong các chất ma tuý thuộc điểm c này theo cách tính được hướng dẫn tại tiểu mục 3.2 Mục 3 này.

Tình tiết "có từ hai chất ma tuý trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma tuý quy định tại một trong các điểm từ..." quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 193 và điểm h khoản 4 Điều 194 BLHS được tính như sau:

Đối với các chất ma tuý khác ở thể rắn: Được tính theo ví dụ như sau:

300gam chất ma tuý khác ở thể rắn tương đương với 100gam Hêrôin.

150gam chất ma tuý khác ở thể rắn tương đương với Ygam Hêrôin

Y= (150gam chất ma tuý khác ở thể rắn x 100gam hêrôin) : 300gam chất ma tuý khác ở thể rắn = 50gam hêrôin.

[2.3] Đối chiếu với trường phạm tội của của các bị cáo thì thấy:

[2.3.1] Đối với bị cáo Vũ Hồng S:

Bị cáo là đối tượng cầm đầu trong đường dây mua bán ma túy được tổ chức có quy mô, số lượng ma túy rất lớn, trong quá trình điều tra, bị cáo khai nhận 03 lần tham gia mua bán ma túy.

Lần thứ nhất: Bị cáo mua của T 10 bánh Heroin, bán lại cho Lâm Văn P (đã bỏ trốn) 10 bánh Heroin nhưng do Heroin không đúng chất lượng nên P trả lại 09 bánh còn lấy 01 bánh thông qua bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh C. Sau khi P trả lại 09 bánh Heroin, S đã bán cho Đỗ Duy K 04 bánh, bán cho "Má B" (không rõ lai lịch) 03 bánh và 02 bánh bán cho đối tượng T (không rõ lai lịch).

Lần thứ hai: Bị cáo S mua của T (không rõ lai lịch) 10 bánh, sau đó bán 04 bánh cho bị cáo Đỗ Duy K, còn 06 bánh chưa kịp bán thì bị bắt quả tang. Ngoài ra còn mua của T (không rõ lai lịch) 1891 viên ma túy khối lượng 498,358 gram MDMA và 26 gói Ketamine khối lượng 70,7713 gram.

Lần thứ ba: Vào ngày 28/6/2014 bị cáo S mua của đối tượng T 08 bánh Heroin và bán cho đối tượng Lâm Văn P 08 bánh (Lâm Văn P đã bỏ trốn, khi nào bắt được xử lý sau) và được P giao trả cho S số tiền 1,6 tỷ thông qua bị cáo Nguyễn Thụy Bích T. Đây là lần giao nhận việc mua bán 08 bánh Heroin do bị cáo S và Nguyễn Thụy Bích T đã tự nguyện khai báo. Tuy nhiên, thông qua 02 lần mở phiên tòa, và các biên bản phúc cung cả 02 bị cáo Vũ Hồng S và Nguyễn Thụy Bích T đều phủ định: số tiền 1,6 tỷ không phải là tiền mua 08 bánh Heroin mà là tiền đối tượng P nhờ bị cáo T giao trả cho bị cáo S do thua độ đá banh.

Do cả 02 bị cáo S và T thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi phạm tội, đối tượng Lâm Văn P đã bỏ trốn nên không có cơ sở kiểm tra đối chất để xác định sự thật khách quan của vụ án. Đồng thời đối với hành vi này không có thu giữ vật chứng, đây là nguồn chứng cứ trực tiếp để buộc tội bị cáo. Vì vậy, không có cơ sở để quy kết bị cáo Vũ Hồng S về 08 bánh Heroin có khối lượng 2.775,314 gram Heroin (08 bánh x 3436,913 gram).

Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết tổng cộng bị cáo S phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này là 20 bánh Heroin (20 x 346,913 = 6.938,26gram Heroin), 1891 viên ma túy khối lượng 498,358 gram MDMA và 26 gói ma túy khối lượng 70,7713 gram Keatamine.

Ngoài ra, để phục vụ cho hoạt động mua bán ma túy, bị cáo Vũ Hồng S sang Campuchia mua 01 khẩu súng ngắn, 02 hộp tiếp đạn mỗi hộp có 06 viên đạn về cất giữ gửi tại nhà bị cáo Trần Thị L thì bị phát hiện thu giữ quả tang. Theo Bản kết luận giám định số 898/KLGĐ-TT ngày 29 tháng 7 năm 2014 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Tp. Hồ Chí Minh thì khẩu súng ngắn trên là vũ khí quân dụng, 06 viên đạn là loại đạn dùng cho vũ khí quân dụng.

Bị cáo nhận thức rõ về tác hại của ma túy những vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội nhằm thu lợi bất chính, bản thân bị cáo có nhiều tiền án lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 2 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Hồng S kháng cáo nhưng cũng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.3.2] Đối với bị cáo Lê Thị Kim Á:

Bị cáo phạm tội với vai trò là người thường xuyên mua bán ma túy của bị cáo Đỗ Duy K với số lượng lớn để phát tán, bán lại cho các đối tượng khác gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, cụ thể đã mua của bị cáo Đỗ Duy K 04 bánh Heroin (bán lại cho đối tượng tên "B" 2,5 bánh, còn 1,5 bánh chưa kịp bán thì bị khám xét thu giữ).

Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Á chịu trách nhiệm hình sự với 04 bánh Heroin (4 x 346,913gram = 1.403, 5173gram loại Heroin), mặt dù đã có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nhưng với số lượng ma túy nêu trên là rất lớn, mức án tử hình là tương xứng với khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Nghị quyết số 01/2001/HĐTP-TANDTC của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao như đã viện dẫn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Kim Á kháng cáo nhưng cũng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.3.3] Đối với bị cáo Trần Thị L:

Bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Vũ Hồng S trong việc mua bán trái phép chất ma túy, cụ thể giúp bị cáo S giao 10 bánh Heroine vào ngày 15/6/2014 cho bị cáo Nguyễn Huỳnh Minh C. Do ma túy không đúng chất lượng nên bị cáo C trả lại 09 bánh Heroin, còn lấy 01 bánh.

Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo chịu trách nhiệm 01 bánh hêroin có khối lượng 346,913gram Heroin.

Ngoài ra, còn quy kết hành vi mua bán 1891 viên ma túy khối lượng 498,358gram loại MDMA, 26 gói ma túy khối lượng 70,7713gram loại Keatamine. đây là các chất ma túy khác ở thể rắn, nên được quy ra theo Nghị quyết 01/2001/HĐTP-TATC như sau:

(498,358gam MDMA x 100gam heroin) : 300gam MDMA = 166,1193gam heroin + (70,7713gram Keatamine x 100gam heroin) : 300gam keatamin = 23,590gam keatamin = 189.6793gam heroin.

Cộng chung khối lượng ma túy phạm pháp là 536,5923gam heroin.

Bị cáo có nhân thân xấu, có tiền án về loại tội đặc biệt nghiêm trọng chưa được xóa án tích, ngày 09/9/2004 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử 10 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", vừa mới chấp hành xong hình phạt tù bị cáo lại tiếp tục phạm tội về ma túy, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo không không rơi vào khoản 3 Nghị quyết số 01/2001/HĐTP-TATC của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao quy định: *"Trong trường hợp không có tình tiết tăng nặng và không có tình tiết giảm nhẹ hoặc vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ, nhưng đánh giá tính chất tăng nặng và tính chất giảm nhẹ tương đương nhau, thì xử phạt người phạm tội mức án tương ứng với trọng lượng chất ma tuý"*, như đã viện dẫn nêu trên, nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Trần Thị Lương mức án tử hình là có căn cứ, hợp pháp.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ khoản điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ Luật tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của các bị cáo Đỗ Duy K, Nguyễn Huỳnh Minh C, Nguyễn Thụy Bích T. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với cáo bị cáo, Bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Đỗ Duy K, Nguyễn Huỳnh Minh C, Nguyễn Thụy Bích T có hiệu lực pháp luật thi hành.

2/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Vũ Hồng S, Lê Thị Kim Á, Trần Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

2.1/ Áp dụng điểm h khoản 4 khoản 5 Điều 194, khoản 1 Điều 230 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung 2009, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 40, Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Vũ Hồng S: Tử hình về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy"; 2 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng". Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Vũ Hồng S phải chấp hành hình phạt chung là Tử hình. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2014. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Phạt bị cáo S số tiền: 100.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

2.2/ Áp dụng điểm b khoản 4 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 40 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim Á: Tử hình về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy". Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2014. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Phạt bị cáo số tiền: 50.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

2.3/ Áp dụng điểm b khoản 4 khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 40, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Thị L (tên gọi khác: Trần Thị Lương Y): Tử hình về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy". Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2014. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Phạt bị cáo số tiền 50.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo S, bị cáo Á, bị cáo L, mỗi bị cáo chịu số tiền 200.000đồng.

3/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

4/ Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo Vũ Hồng S, Đỗ Duy K, Lê Thị Kim Á, Trần Thị L có quyền làm Đơn ân xá gửi Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xin ân giảm án tử hình.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp.HCM.
- TAND Tp.HCM.
- VKSND Tp.HCM.
- Công an Tp.HCM.
- Sở Tư pháp Tp.HCM.
- Cục THADS Tp.HCM.
- Trại tạm giam Tp.HCM.
- Bị cáo.
-Lưu HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ HOÀNG TẤN